

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 13/9/2017
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Nga.

Ông Danh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lai Thị Thùy Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa:
Nguyễn Việt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 48/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017; về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐST-DS ngày 26/7/2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn N T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TB, xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn H E, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TB, xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Bà và ông E kết hôn khoảng năm 1992 - 1993, năm 2006 đăng ký kết hôn và đã được UBND xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Giữa vợ, chồng có nhiều bất đồng và thường xuyên cự cãi nên đã ly thân với nhau, các con đã lớn (trên 18 tuổi) và bà muốn có cuộc sống hạnh phúc của mình, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ với ông E nên khởi kiện ly hôn. Tại tòa, bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông E và không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung. Riêng nợ chung thì không có.

- Bị đơn Nguyễn H E vắng mặt nhưng quá trình giải quyết có trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T là cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đối với yêu cầu ly hôn của bà T, ông chỉ đồng ý ly hôn nếu bà T giao toàn bộ tài sản là phần đất có diện tích 1.126m² đất, nhà và các tài sản sinh hoạt gia đình khác. Riêng con chung đã trưởng thành, nợ chung không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa.

- Về nội dung: Hôn nhân của bà T và ông E là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2006 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm, hiện đã ly thân và bà T xác định không còn tình cảm, hơn nữa trước đây bà T có yêu cầu ly hôn nhưng rút đơn khởi kiện cho ông E cơ hội đoàn tụ, ông E không sửa chữa và tại Tòa bà T kiên quyết ly hôn cho thấy mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà T được ly hôn với ông E và chịu án phí theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Riêng bị đơn E có đặt ra vấn đề chỉ đồng ý ly hôn khi được nhận tài sản chung là nhà và 1.126m² đất tọa lạc ấp TB, xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng. Về điều này, Tòa án ra thông báo số 45/TB-TA ngày 22/6/2017 hướng dẫn đương sự viết đơn yêu cầu và cung cấp chứng cứ liên quan nhưng quá thời hạn bị đơn không có đơn yêu cầu và nguyên đơn không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung, con chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông Nguyễn H E vắng mặt không lý do nhưng đây là phiên tòa lần 2, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn E hợp lệ 02 lần (*niêm yết tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân xã VL và*

trụ sở Tòa án) nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H E và tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình. Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét và thấy rằng:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông E tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2006 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Đối với việc bà T yêu cầu ly hôn, Tòa đã động viên bà T cho ông E cơ hội đoàn tụ nhưng bà không đồng ý với lý do cả hai không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và cả hai đã sống ly thân. Xét yêu cầu ly hôn thì thấy: Căn cứ bảo vệ cho yêu cầu ly hôn mà bà T đưa ra là phù hợp lời trình bày của bị đơn E được ghi nhận tại biên bản ngày 22/6/2017 (bl 26) “...vợ, chồng có cự cãi và bà T bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống một thời gian”. Hôn nữa vào năm 2015, bà T có khởi kiện yêu cầu ly hôn và sau đó, rút đơn kiện để cho ông E có cơ hội sửa chữa nhưng ông E vẫn không thay đổi, quá trình giải quyết bị đơn không mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ, chồng mà chỉ đặt ra điều kiện thỏa thuận cho việc ly hôn là “ *buộc bà T giao toàn bộ tài sản là nhà và đất có diện tích 1.126m², tọa lạc ấp TB, xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng*”, đã cho thấy giữa hai bên không còn sự cảm thông, yêu thương và chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ hôn nhân của hai bên không thể hàn gắn và tại Tòa bà T kiên quyết ly hôn nên yêu cầu ly hôn của bà T cần được chấp nhận là phù hợp đề nghị của Kiểm sát viên và đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu giải quyết, bị đơn đặt yêu cầu được nhận tài sản chung là “*nhà và đất có diện tích 1.126m², tọa lạc ấp TB, xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng*”, vấn đề bị đơn đặt ra là điều kiện để thỏa thuận ly hôn không phải yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các đương sự và việc giải quyết vụ án đúng quy định, Tòa án tiến hành giải thích các quy định pháp luật và thông báo cho bị đơn được biết quyền yêu cầu xem xét phần tài sản chung, hết thời hạn thông báo theo văn bản số 45/TB-TA ngày 22/6/2017 (bl 28), bị đơn không có đơn yêu cầu giải quyết phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản chung. Trường hợp, các đương sự tranh chấp về tài sản chung có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[2.3] Về con chung đã trưởng thành, nợ chung không có: Bà T và ông E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn N T được ly hôn với ông Nguyễn H E.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nguyên đơn bà Nguyễn N T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002400 ngày 22/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Bà T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi người vắng mặt cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai